

ST T	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Ý kiến	Kiểm tra chữ ký
1	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Thạc sỹ - Trường CDYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	09/07/20 25 12:15:54		
2	NGUYỄN MẠNH TOÀN	Thạc sỹ - Trường CDYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	09/07/20 25 08:14:52		

Mã văn bản: 36659
Số văn bản: 36659
Ngày ban hành: 09/07/2025

**CAO ĐANG Y TẾ BẠCH MAI
PHÒNG ĐÀO TẠO**

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG 10 ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG HK II

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã đơn 9: TT BV CSSK người nội khoa I				Mã đơn 10: TT BV CSSK người nội khoa 2				Mã đơn 12: Thử tập BV CSSK người nội bộ ngoại.				Mã đơn 15: TTBV CSSK sinh sản, hạ mẹ và trẻ sơ sinh				Mã đơn 6: TTBV CSSK trẻ em				Mã đơn 18: TTBV cấp cứu, HSTC và truyền nhiễm				Mã đơn 24: CSBN PHCN- TMH - RHM - Mát - Đa liễu				Thực tế tốt nghiệp		TBC HK/HN		Đạo đức học tập	Đạo đức xã hội	KỸ LUẬT	DIỄN RÊN LUYỆN	GHI CHÚ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
						4.00 (số tín chỉ)				4.00 (số tín chỉ)				4.00 (số tín chỉ)				2.00 (số tín chỉ)				2.00 (số tín chỉ)				3.00 (số tín chỉ)				2.00 (số tín chỉ)				5.00 (số tín chỉ)		26(đúng số tín chỉ)							TBL1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
						Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
1	22Q30110219	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Hai	Hà	21.05.2004																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mô đun 9: TT BV CSSK người lớn nội khoa 1		Mô đun 10: TT BV CSSK người lớn nội khoa 2		Mô đun 12: Thực tập BV CSSK người lớn hệ ngoại.		Mô đun 15: TTBV CSSK sinh sản, bệnh và trẻ sơ sinh		Mô đun 16: TTBV CSSK trẻ em		Mô đun 18: TTBV Cấp cứu, HSTC và truyền nhiễm		Mô đun 24: CSBN PHCN- TMH - RHM - Mắt - Da liễu		Thực tế tốt nghiệp		TBC HK/NH		Dự kiến về loại học bằng	KỶ LUẬT	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
						4.00 (số tín chỉ)		4.00 (số tín chỉ)		4.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		3.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		5.00 (số tín chỉ)		26(điểm số tín chỉ)					
						Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học				
76	22Q30110310	Điều dưỡng 10C	Trần Thị Minh	Anh	18.02.2004	7.8	8.3	8	8.3	8	9	8	7.8	5.5	6.6	9	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
77	22Q30110320	Điều dưỡng 10C	Chu Thị	Đan	23.07.2004	7.3	8.3	8	8.3	8	9.5	8	8.8	6	7.1	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
78	22Q30110331	Điều dưỡng 10C	Cao Thị Thanh	Hương	02.02.2004	8.3	8.8	8	8.8	8	8.5	8	8.5	6.5	7.2	8	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
79	22Q30110341	Điều dưỡng 10C	Lô Lê Ngọc	Mai	20.12.2002	8	8.5	8	8.5	8	8	8	8.5	5	6.1	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
80	22Q30110355	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị	Thúy	22.11.2003	7	8.3	8	8.5	8	8.5	8.5	8.8	6	6.9	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
81	22Q30110357	Điều dưỡng 10C	Ngô Thị Thủy	Tiến	08.06.2004	7.5	8.3	8	8	8.5	8	8	9	7	7.1	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
82	22Q30110401	Điều dưỡng 10D	Giáp Thị Lan	Anh	11.06.2004	8.5	8	8	8.5	8	9	8	6	6.7	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
83	22Q30110420	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Ngọc	Huyền	10.03.2004	8.3	8.8	8.8	8.8	8.5	7	8.5	5.5	6.2	8	8.2	8.2	Giỏi	Không	Khá							
84	22Q30110507	Điều dưỡng 10E	Hoàng Thị Ngọc	Anh	04.10.2004	8	8	8	8.5	8	8.5	7.5	8.3	7	7.3	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
85	22Q30110520	Điều dưỡng 10E	Cao Thị Hồng	Duyên	03.09.2004	7.8	8.8	8.8	8.8	9	7.5	8.8	6	6.5	8	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
86	22Q30110545	Điều dưỡng 10E	Phạm Thị Thủy	Ninh	12.12.2004	8.3	8	8.3	8.3	8.5	7.5	8.5	6	6.8	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
87	22Q30110552	Điều dưỡng 10E	Phùng Minh	Tâm	27.11.2004	8.3	8.5	8.5	8.5	8.5	7	8.5	5.5	6.4	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Xuất sắc							
88	22Q30110557	Điều dưỡng 10E	Phạm Phương	Thao	01.11.2004	8	8.3	8.3	8.3	8.5	7.5	8	8.8	5	6.1	9	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
89	22Q30110560	Điều dưỡng 10E	Hoàng Văn	Thần	05.07.2004	8	8.3	8	8.3	8.5	8.5	7.5	8	7	7.4	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt						
90	22Q30110564	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Xuân	Trường	02.04.2004	8	8.8	8.8	8.8	8	7.5	8.8	6	6.8	9	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
91	22Q30110608	Điều dưỡng 10G	Đào Thị Minh	Anh	21.01.2004	8.3	8	8	8	8	8	8.8	6.5	7.2	8	8.2	8.2	Giỏi	Không	Xuất sắc							
92	22Q30110627	Điều dưỡng 10G	Ngô Thị Thu	Hương	20.03.2004	8	8	8	8.8	7	7.5	9	7	7.1	9	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
93	22Q30110628	Điều dưỡng 10G	Phạm Hoàng Gia	Khiêm	25.03.2004	8.3	8	8	8.3	8	7.5	8.3	7	7.4	9	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
94	22Q30110636	Điều dưỡng 10G	Phạm Khánh	Linh	24.01.2004	9	8.3	8	8	8.5	8.5	8.5	6	6.8	8	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
95	22Q30110638	Điều dưỡng 10G	Trần Khánh	Linh	26.04.2004	8.5	8	8	8.3	8	8.5	8.8	6	6.8	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
96	22Q30110645	Điều dưỡng 10G	Vũ Thu	Ngân	03.09.2004	8	8	8	8.5	8	8.5	8.8	6.5	6.8	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
97	22Q30110657	Điều dưỡng 10G	Hà Thị	Thúy	05.10.2004	8.5	8	8	8.3	8.5	8	8.3	6.5	7.4	8.5	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
98	22Q30110662	Điều dưỡng 10G	Phạm Thị Huyền	Trang	25.08.2004	8.3	8.3	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	5	6.3	8	8.2	8.2	Giỏi	Không	Xuất sắc							
99	22Q30110763	Điều dưỡng 10H	Đỗ Thị Thủy	Dương	27.02.2004	8	8	8.8	8.8	8	7.5	8	6	6.7	9	8.2	8.2	Giỏi	Không	Khá							
100	22Q30110761	Điều dưỡng 10H	Ngô Thị	Vân	06.11.2004	9	8	8.3	8.3	9	6.5	8	6	6.4	9	8.2	8.2	Giỏi	Không	Tốt							
101	22Q30110765	Điều dưỡng 10A	Trịnh Thị Thái	Anh	12.05.1997	8.8	7.8	8.3	8.3	7	8	9	5	6.1	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
102	22Q30110116	Điều dưỡng 10A	Trần Thị Bạch	Dương	28.12.2004	8.5	8	8.3	8.3	8	7.5	8.1	6.1	8.1	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
103	20Q30180223	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thủy	Minh	16/12/2012	8.3	7.8	8.5	8.5	7	6.5	8.5	6.5	7.1	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
104	22Q30110143	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thị	Phượng	23.01.2003	8.3	7.8	8	8	8.5	8.5	8.3	5.5	6.6	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
105	22Q30110151	Điều dưỡng 10A	Lê Thanh	Thúy	10.10.2004	8.3	8	8.3	8	8	8.5	7.5	6.5	7	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
106	22Q30110156	Điều dưỡng 10A	Lâm Thu	Trang	02.01.2004	8	8	8	8	8	8	8	5.5	6.5	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
107	22Q30110159	Điều dưỡng 10A	Đỗ Kiều	Trình	10.12.2004	7.3	8.3	8.3	8.3	7.5	8	8.5	6	6.5	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Xuất sắc							
108	22Q30110203	Điều dưỡng 10B	Đặng Thị Ngọc	Anh	22.03.2004	8.3	8.3	8	8	7	8	8.8	5	5.8	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
109	22Q30110213	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Kim	Chi	07.09.2004	7.5	8	7.8	8	8	8.5	8.3	6.5	6.8	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
110	22Q30110224	Điều dưỡng 10B	Lai Thị	Huyền	24.06.2004	8	7.8	8	8	8.5	8.5	8.5	5	6.5	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
111	22Q30110229	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Khánh	Linh	30.05.2004	7.8	8.5	8	8	8	8	8	6	6.9	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
112	22Q30110236	Điều dưỡng 10B	Đỗ Thị Huyền	Ly	21.07.2003	7	8.5	8.8	8.8	8	7.5	8.3	6	7.1	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Khá							
113	22Q30110540	Điều dưỡng 10B	Hoàng Kim	Ngân	18.12.2004	8.3	8	8	8	8.5	7.5	8	5	6.1	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
114	22Q30110242	Điều dưỡng 10B	Lý Thị Yên	Nhì	16.08.2004	7.8	8.5	8	8	8.5	8	8.5	5.5	6.8	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
115	22Q30110247	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Công	Sơn	11.10.2004	8	8	8	8	8.5	8	8.8	5.5	6.4	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
116	22Q30110255	Điều dưỡng 10B	Mai Thủy	Trang	30.12.2004	8.5	7.8	8.3	8	8.5	8	8.5	5	6.1	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
117	22Q30110261	Điều dưỡng 10B	Trương Đoàn	Trang	15.11.2003	8.3	7.8	7.8	7.8	7.5	7.5	8.5	6	6.7	9	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
118	22Q30110266	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Kim	Vân	12.01.2004	8	8	8	8.3	8	8.5	8	8.3	5.5	6.1	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt						
119	22Q30110306	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Quỳnh	Anh	26.08.2004	7.8	7.5	7.8	7.8	8.5	8.5	8.8	8	8	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
120	22Q30110311	Điều dưỡng 10C	Vương Kiều	Anh	24.12.2004	8	8	7.8	8	8	8	8.8	6	6.9	8.5	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
121	22Q30110313	Điều dưỡng 10C	Trần Thị Minh	Anh	18.02.2004	7.5	8.5	8	8	8	7	8.8	7	7.5	8	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
122	22Q30110326	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01.02.2004	8.5	8	8.3	8	8.5	8	8	7	7.4	8	8.1	8.1	Giỏi	Không	Tốt							
123	22Q30110327																										

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mô đun 9: TT BV CSSK người làm nội khoa 1		Mô đun 10: TT BV CSSK người làm nội khoa 2		Mô đun 12: Thực tập BV CSSK người làm hệ ngoại.		Mô đun 15: TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh		Mô đun 16: TTBV CSSK trẻ em		Mô đun 18: TTBV Cấp cứu, HSTC và truyền nhiễm		Mô đun 24: CSBN PHCN- TMH - RHM - Mắt - Da liễu		Thực tế tốt nghiệp	TBC HK/NH	Đạt yêu cầu loại học bằng	KỶ LUẬT	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ				
						4.00 (số tín chỉ)		4.00 (số tín chỉ)		4.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		3.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)											
						Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học							Điểm thi	Điểm môn học		
156	20Q30181131	Điều dưỡng 10A	Trần Thị Thanh	Thủy	8/20/2002		8		8		8		7		7.5		8.5		5.5		6.2		9		8	8	Giỏi	Không	Tốt
157	22Q30110223	Điều dưỡng 10B	Phạm Quốc	Huy	15.05.2004		7		8		8.3		8.5		8.5		8		5		6.5		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
158	22Q30110225	Điều dưỡng 10B	Trần Thị	Huyền	23.01.2004		8.3		8.3		8.5		7		8.5		7.5		5		5.9		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
159	22Q30110239	Điều dưỡng 10B	Đào Thanh	Ngân	17.02.2004		7.5		8.3		8		8.5		8		7.8		6		7.1		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
160	22Q30110240	Điều dưỡng 10B	Phạm Thanh	Nhân	12.02.2003		7.8		8		8		8		8.5		8		5		6.2		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
161	22Q30110243	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Hoài	Phương	04.10.2004		8		8.5		7.8		8.5		8.5		7.5		5		6.3		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
162	22Q30110253	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiến	06.03.2004		7.8		8.3		7.5		8		9		7.8		5.5		6.4		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
163	22Q30110262	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Hồng	Vân	18.05.2004		8		7.8		8.3		7		8		8.3		6.5		7.2		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
164	22Q30110301	Điều dưỡng 10C	Ngô Thị	An	02.06.2004		7.8		8		7.8		8.5		8		8		5.5		6.4		8.5		8	8	Giỏi	Không	Xuất sắc
165	22Q30110307	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Trung	Anh	23.11.2004		8.5		7.5		7.8		9		7.5		7.8		6.5		7.1		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
166	22Q30110312	Điều dưỡng 10C	Trần Thị	Anh	31.05.2004		7		8.5		7.5		8		8.5		8.8		5.5		6.5		9		8	8	Giỏi	Không	Tốt
167	22Q30110323	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thu	Hà	05.11.2004		7.8		8.5		7.8		8.5		9		8		6.5		6.8		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
168	22Q30110328	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Minh	Hoàn	05.07.2004		7.8		8.3		7.8		8.5		8.5		8.3		5.5		6.4		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
169	22Q30110337	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị	Linh	20.01.2004		8.5		8.3		7.5		7		8		8.3		5.5		6.6		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
170	22Q30110342	Điều dưỡng 10C	Trương Thị Quỳnh	Mai	04.10.2003		7.5		8.8		7.5		9		7.5		8.5		5.5		6.1		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
171	22Q30110344	Điều dưỡng 10C	Dương Khánh	Ngọc	24.12.2004		8.5		7.8		8		8.5		8		8		5.5		6.6		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
172	22Q30110417	Điều dưỡng 10D	Vũ Thị Thanh	Hiền	19.01.2004		7.5		8		8.3		9		8		8		5		6.1		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
173	22Q30110421	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17.04.2004		7.8		8.5		7.5		8.5		8.5		8.3		5		6.3		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
174	22Q30110426	Điều dưỡng 10D	Bùi Diệu	Linh	02.01.2004		8		8.3		8.5		8.5		7		8.3		5.5		6.4		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
175	22Q30110437	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thu	Ngà	05.02.2004		8.5		8.3		7.5		8		8.5		8		5.5		6.6		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
176	22Q30110463	Điều dưỡng 10D	Đặng Thanh	Vân	05.06.2004		8.8		7.5		7.8		9.5		8		7.8		5		5.9		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
177	22Q30110508	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Hà	Châu	11.06.2004		8		7.5		8.3		8.5		8.5		7.8		5.5		6.4		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
178	22Q30110521	Điều dưỡng 10E	Đinh Việt	Hải	20.04.2004		8.8		8		8.3		8.5		7.5		7		7		7.3		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
179	22Q30110528	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Thu	Hương	04.08.2004		8		8		8.3		8.5		8		7.8		5.5		6.4		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
180	22Q30110539	Điều dưỡng 10E	Vương Hải	Nam	01.08.2004		7.5		7.8		8.3		9		7.5		8.3		5		6.1		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
181	20Q30180532	Điều dưỡng 10E	Đỗ Thị Thu	Phương	8/8/2002		8		7.7		8		8.5		8		8		6		6.8		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
182	22Q30110563	Điều dưỡng 10E	Vũ Thị Quỳnh	Trang	27.05.2004		7.3		8		7.8		8.5		8.5		8.5		7		7.3		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
183	22Q30110621	Điều dưỡng 10G	Trần Thị	Hào	15.09.2004		8.8		8		8.3		8		8		8.3		5		6.2		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
184	22Q30110650	Điều dưỡng 10G	Hà Thị Băng	Tâm	24.07.2003		8		7.5		7.8		8.5		8.5		8		6.5		7.1		8.5		8	8	Giỏi	Không	Xuất sắc
185	22Q30110660	Điều dưỡng 10G	Đào Thị Huyền	Trang	21.10.2004		7.5		8		8.3		8		7		8.3		7		7.3		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
186	22Q30110706	Điều dưỡng 10H	Phạm Phương	Anh	10.12.2004		8.3		8.3		6.8		8		8		8.8		5		6.1		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
187	22Q30110713	Điều dưỡng 10H	Trần Thị Vân	Dung	02.04.2004		7.5		8		7.8		8.5		7.5		8.5		7		7.3		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
188	22Q30110715	Điều dưỡng 10H	Phạm Thị Mỹ	Duyên	26.05.2004		8		8.5		8.3		8		7.5		8		6		6.8		8		8	8	Giỏi	Không	Tốt
189	22Q30110724	Điều dưỡng 10H	Bùi Thị Thanh	Huyền	05/08.2004		8.3		8.3		8		7		7		8		6		6.5		9		8	8	Giỏi	Không	Tốt
190	22Q30110729	Điều dưỡng 10H	Vũ Thị	Lan	04.06.2004		8		8.3		7.5		8		7		8.3		6.5		7		9		8	8	Giỏi	Không	Tốt
191	22Q30110746	Điều dưỡng 10H	Hoàng Thị Bích	Nhung	22/09.2004		8.3		7.5		9		8		7.5		7.8		5.5		6.2		8.5		8	8	Giỏi	Không	Tốt
192	22Q30110753	Điều dưỡng 10H	Mai Thanh	Thảo	23.06.2004		7.3		8.3		8		7		7.5		8.3		6.5		7		9		8	8	Giỏi	Không	Tốt
193	22Q30110111	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Ngọc	Châm	26.11.2001		8		8.3		7.8		8		7.5		8		7		7.3		8		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
194	22Q30110126	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thị	Hương	07.02.2004		7.5		7.8		8		8		7.5		8		6.5		7.1		9		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
195	22Q30110134	Điều dưỡng 10A	Tạ Phương	Linh	29.02.2004		7.5		8.8		8		8		7.5		8		5.5		6.1		8		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
196	22Q30110141	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Hà	Nhĩ	22.08.2004		7.3		8.3		8.5		8		8.5		8		5		5.9		8		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
197	22Q30110206	Điều dưỡng 10B	Phạm Quỳnh	Anh	19.10.2004		7.3		7.3		7.8		8		8		8.5		5		6.1		9		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
198	20Q30180724	Điều dưỡng 10B	Phạm Thị Hồng	Nhật	18/03/2002		7.5		8		7.5		7.5		7.5		9		5		6.3		9		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
199	22Q30110250	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07.10.2004		7.5		7.8		8		8.5		7.5		8.3		5.5		6.6		8.5		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
200	22Q30110304	Điều dưỡng 10C	Đào Việt	Anh	17.12.2004		8		7.3		8		8.5		8		7.5		6		6.8		8.5		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
201	22Q30110319	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Văn	Định	05.05.2004		8.3		8		6.8		8		7.5		9		6		6.8		8.5		7.9	7.9	Khá	Không	Tốt
202	22Q30110325	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị	Hiền	23.10.2004		8		7.8		7.8		9		8		7.8		5.5		6.6		8						

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mô đun 9: TT BV CSSK người lớn nội khoa 1		Mô đun 10: TT BV CSSK người lớn nội khoa 2		Mô đun 12: Thực tập BV CSSK người lớn hệ ngoại.		Mô đun 15: TTBV CSSK sinh sản, hạ mẹ và trẻ sơ sinh		Mô đun 16: TTBV CSSK trẻ em		Mô đun 18: TTBV Cấp cứu, HSTC và truyền nhiễm		Mô đun 24: CSBN PHCN- TMH - RHM - Mắt - Da liễu		Thực tế tốt nghiệp		TBC HK/NH	TBL1	Dự kiến về loại học bổng	KỶ LUẬT	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ		
						Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi						Điểm môn học	26(tổng số tín chỉ)
236	22Q30110438	Điều dưỡng 10D	Đinh Thị	Ngân	16.07.2004	7,5	8,8	7,3	8,8	7,3	8	7,5	8,3	6	6,7	8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt			
237	22Q30110439	Điều dưỡng 10D	Lê Khánh	Ngân	12.07.2004	7,3	8,5	8,3	8,5	8	8	8	8,3	5	5,8	7,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
238	22Q30110440	Điều dưỡng 10D	Đỗ Thị Bích	Nguyệt	12.01.2004	7,5	8,5	7,5	8,5	7,5	7	7	8,3	5	5,9	8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
239	22Q30110448	Điều dưỡng 10D	Lê Hà	Phượng	30.12.2004	7,8	7,5	7,8	7,5	7,8	7,5	8	8,3	6,5	6,8	8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
240	22Q30110461	Điều dưỡng 10D	Vũ Thủy	Trang	17.09.2004	8	7	8	7	8	8,5	7,5	7,8	6	6,5	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
241	20Q30180203	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Tú	Anh	1/3/2002	7,8	7,3	7,7	7,7	7,5	7,5	7,5	7,8	5,5	7,2	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
242	22Q30110522	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Đức	Hải	15.07.2004	7,5	8,3	8,3	8,3	7,5	7	7	8	6	6,3	8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
243	20Q30181025	Điều dưỡng 10E	Ngô Khôi	Nguyễn	15/08/2002	8	7,3	7,8	7,8	8,5	8	8	8,5	5,5	6,4	8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
244	22Q30110551	Điều dưỡng 10E	Bùi Minh	Tâm	08.09.2004	7,5	8,3	7,3	7,3	7	7	7,5	8,5	7	7,3	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
245	22Q30110554	Điều dưỡng 10E	Đỗ Phương	Thào	15.09.2004	6,8	7,8	8,3	8,3	8	7,5	8	8,3	5,5	6,4	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
246	22Q30110633	Điều dưỡng 10G	Phùng Ngọc	Liên	30.11.2003	8	6,3	8,3	8,3	8	7,5	8	8,5	5,5	6,5	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
247	22Q30110647	Điều dưỡng 10G	Lê Ngọc	Oanh	30.07.2004	7,8	7,8	8,3	8,3	8,5	7	7	7,8	6,5	7	8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
248	22Q30110661	Điều dưỡng 10G	Khoa Thủy	Trang	27.03.2003	7,3	7,8	7,8	7,8	8	7,5	8	8,5	6	6,7	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
249	22Q30110707	Điều dưỡng 10H	Trần Tú	Anh	24.06.2004	8,3	6,8	8	8	8	8,5	8	8	7,5	7,3	8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
250	22Q30110725	Điều dưỡng 10H	Châu Thị	Huyền	01.05.2004	7,8	8,5	8,5	8,5	7,5	5	8	5,5	6,1	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
251	22Q30110731	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Khánh	Linh	27.11.2004	8	8,3	7,8	7,8	7	7,5	8	7,5	6,5	7,1	8,5	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8	Khả	Không	Tốt		
252	22Q30110161	Điều dưỡng 10A	Trương Cẩm	Tú	19.03.2004	8	8,8	8,5	8,5	7	8	7,5	8,5	6,1	7,5	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	Khả	Không	Tốt		
253	22Q30110407	Điều dưỡng 10D	Lê Gia	Bao	12.10.2004	8	7,8	7,5	7,5	7,5	8,5	7	8,5	5,5	6,4	7,5	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	Khả	Không	Tốt		
254	22Q30110523	Điều dưỡng 10E	Vũ Minh	Hải	01.04.2004	8,8	8,3	7,8	7,8	6,5	7,5	7,5	7,5	5,5	6,2	7,5	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	Khả	Không	Tốt		
255	22Q30110727	Điều dưỡng 10H	Hoàng Thanh	Huyền	18.02.2004	8	7,8	7,8	7,8	7	7	8	5,5	6,2	8,5	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	7,7	Khả	Không	Tốt		
256	22Q30110118	Điều dưỡng 10A	Ngô Thu	Hà	23.07.2004	7,5	8,3	7,5	7,5	6,5	8	7,3	6,5	7,1	8	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt		
257	22Q30110322	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Cảnh	Dương	31.05.2004	7,8	7,3	7,5	7,5	8	8,5	7,5	5,5	6,4	8	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt		
258	22Q30110505	Điều dưỡng 10E	Vũ Hồng	Anh	12.01.2004	7,3	7,5	7,3	7,3	8,5	8	8,3	5	5,9	8	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt		
259	22Q30110533	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Trần Khánh	Linh	28.11.2004	7,5	7,3	7	7	8	8	8	8	6	6,9	8	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt	
260	22Q30110607	Điều dưỡng 10G	Bùi Ngọc	Anh	19.11.2004	7,3	7	8	8	6,5	7	8	8	5	5,8	8,5	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt	
261	22Q30110733	Điều dưỡng 10H	Phùng Thị	Loan	11.11.2004	7,5	8,5	7,8	7,8	8	7	7	8	5,5	6,4	8	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt	
262	22Q30110737	Điều dưỡng 10H	Phạm Trí	Mỹ	16.12.2004	7,8	7,8	7,8	7,8	8	6,5	7,3	5	5,9	8	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt	
263	22Q30110741	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thu	Ngân	08.10.2004	7,5	8,3	7,5	7,5	8	6,5	7,8	5	6,2	8	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	7,6	Khả	Không	Tốt	
264	22Q30110208	Điều dưỡng 10B	Trần Quốc Nam	Anh	28.12.2004	7,8	7	6,5	6,5	6	7,5	9	6,5	7	8,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	Khả	Không	Tốt	
265	22Q30110359	Điều dưỡng 10C	Đinh Thu	Trang	07.11.2004	7,8	8	7,3	7,3	7,5	7	8,5	5	5,8	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	Khả	Không	Tốt	
266	22Q30110504	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Lan	Anh	20.11.2004	7,5	6,5	7,8	7,8	8	7	8,5	5	5,9	8	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	Khả	Không	Tốt	
267	22Q30110516	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Đức	Dũng	16.07.2004	7,5	8,3	7,8	7,8	8	7	7,5	5	5,8	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	Khả	Không	Tốt	
268	22Q30110558	Điều dưỡng 10E	Lê Thị Thanh	Thu	15.09.2004	7,5	8	7	7	6	7	8,5	5	6,1	8,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	Khả	Không	Tốt	
269	22Q30110534	Điều dưỡng 10E	Trần Thị Khánh	Linh	30.06.2004	6,5	7,8	7,3	7,3	7	7	8,3	5,5	6,5	8	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	Khả	Không	Tốt	
270	22Q30110543	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Ngọc	Nha	30.11.2003	6,8	7,8	7,8	7,8	7,5	7,5	8	5	6,2	8	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	Khả	Không	Tốt	
271	22Q30110723	Điều dưỡng 10H	Chữ Văn	Huy	22.05.2004	8	7,3	8,3	8,3	5,5	5,5	8	5,5	5,7	8	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	Khả	Không	Tốt	
272	22Q30110754	Điều dưỡng 10H	Ta Thị Phương	Thào	23.06.2004	7,3	7	7	7	8,5	6	7,8	5	6,2	8,5	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	7,4	Khả	Không	Tốt	
273	22Q30110445	Điều dưỡng 10D	Trần Thị	Nhung	28.07.2004	6,5	7,3	7,5	7,5	7,5	5,5	8	6	6,7	8	7,3	7,3	7,3	7,3	7,3	7,3	7,3	7,3	7,3	7,3	Khả	Không	Tốt	
274	20Q30180103	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Hùng	Anh	1/2/2002	7,5	7,7	5,3	5,3	7	7	7	7,7	5,5	6,4	8,5	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	Khả	Không	Tốt	
275	22Q30110149	Điều dưỡng 10A	Đào Anh	Thị	27.11.2004	8	7,8	6,8	6,8	7,5	7	7,3	5,5	6,4	6,5	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	7,2	Khả	Không	Tốt	
276	22Q30110233	Điều dưỡng 10B	Trần																										

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mô đun 9: TT BV CSSK người lớn nội khoa 1		Mô đun 10: TT BV CSSK người lớn nội khoa 2		Mô đun 12: Thực tập BV CSSK người lớn hệ ngoại.		Mô đun 15: TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh		Mô đun 16: TTBV CSSK trẻ em		Mô đun 18: TTBV Cấp cứu, HSTC và truyền nhiễm		Mô đun 24: CSBN PHCN- TMH - RHM - Mát - Đa liên		Thực tế tốt nghiệp		TBC HK/NH	TBL1	Dự kiến xếp loại học bổng	KÝ LUẬT	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
						4.00 (số tín chỉ)		4.00 (số tín chỉ)		4.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		3.00 (số tín chỉ)		2.00 (số tín chỉ)		5.00 (số tín chỉ)		26(tổng số tín chỉ)					
						Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học	Điểm thi	Điểm môn học						
22	22Q30110364	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Trần	Trung	30.06.2004		7.3		8		7.5		7		8		8.3	6	6.7		8	7.7	7.7	Khá	Cảnh cáo theo Quyết định 208/QĐ-CDYTBM ngày 14/07/2025.	Trung bình	LOAI
23	22Q30110363	Điều dưỡng 10C	Ngô Anh	Trúc	03.10.2004		7.3		8.3		8		6.5		8.5		8.5	6	6.8		8	7.8	7.8	Khá	Khẩn trách theo Quyết định 140/QĐ-CDYTBM ngày 14/07/2025.	Khá	LOAI

Các sinh viên kiểm tra lại các thông tin, tất cả các ý kiến thắc mắc liên hệ phòng Đào tạo trong vòng 3 ngày kể từ ngày có thông báo này (09/7/2025)

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Mạnh Toàn

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Đạt